TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 12 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 517/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2022 và các văn bản kèm theo bà Tạ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1992, bà và ông Nguyễn Chí L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì giữa bà và ông L mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm, bà và ông L đã hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay. Bà xác định là không còn tình cảm dành cho ông L. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể

đoàn tụ gia đình với ông L. Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn với ông Nguyễn Chí L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Linh P (giới tính nữ), sinh ngày 10/11/1994 và Nguyễn Dủ D (giới tính nam), sinh ngày 27/11/2003. Hiện hai người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Tạ Thị T yêu cầu Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Chí L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông L vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Tạ Thị T xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Nguyễn Chí L đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông L không cung cấp chứng cứ gì, ông L vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 1992, bà T và ông L chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay dẫn không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Tạ Thị T xác định không còn tình cảm dành cho ông L và bà T cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Chí L không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Chí L đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông L không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà T, ông L không có ý kiến gì. Xét cho bà Tạ Thị T ly hôn với ông Nguyễn Chí L là có cơ sở.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Chí L không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Tạ Thị T và

ông Nguyễn Chí L đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông L không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà T, ông L không có ý kiến gì. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Chí L không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Linh P (giới tính nữ), sinh ngày 10/11/1994 và Nguyễn Dủ D (giới tính nam), sinh ngày 27/11/2003. Hiện hai người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Chí L là vợ chồng.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Tạ Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018209 ngày 03/10/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ, chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Chí L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng